

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 255/2023/DS-PT

Ngày: 28/4/2023

V/v tranh chấp: "Đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Hồng Tâm**.

Các Thẩm phán:

1. Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**.

2. Bà **Nguyễn Thanh Nhân**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đoàn Nhã**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Thị Thanh Xuân**, Kiểm sát viên.

Ngày **28** tháng **4** năm **2023**, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp "Đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 256/2022/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 511/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị Bích N**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1967. Địa chỉ: số X, tổ Y, khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 13/7/2022) (có mặt).

* *Bị đơn:*

1. Ông **Trần Minh H**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp M, xã MH, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Bùi Quang N**, sinh năm 1956. Địa chỉ: số A, tổ B, khu A, thị trấn C, huyện C, Tiền Giang. (Văn bản ủy quyền ngày 24/10/2022) (có mặt).

2. Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1966 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã MH, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Phạm Minh N**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà **Hồ Thị N1**, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

** Người kháng cáo:* Bị đơn **Trần Minh H, Lê Thị L**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 13/7/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T là đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Võ Thị Bích N trình bày:*

Chị N với vợ chồng ông H, bà L là thương lái mua bán gạo với nhau. Vào ngày 14/4/2022, chị N có mua gạo vợ chồng ông H và bà L số lượng gạo 1.241 bao, thành tiền 573.314.000 đồng, trừ đi tiền bồi dưỡng 1.244.000 đồng và tiền cò 1.240.000 đồng. Số tiền còn lại 570.830.000 đồng.

Ngày 14/4/2022, chị N chuyển khoản ứng 200.000.000 đồng qua tài khoản của anh Phạm Minh N (cháu của ông H), do ông H kêu chị N chuyển để ông H cho anh N mượn số tiền này.

Đồng thời, ngày 19/4/2022, chị N có mua ông H và bà L 200 bao mua dùm cho bà Hồ Thị N1 (là mẹ ruột của chị N) = 10 tấn x 9.680 đồng = 96.600.000 đồng.

Như vậy, chị N mua tổng cộng của ông H và bà L 02 lần vào ngày 14 và 19/4/2022 với số tiền 570.830.000 đồng + 96.600.000 đồng = 667.430.000 đồng.

Sau đó ngày 19/4/2022 vào lúc 15 giờ 58 phút, chị N chuyển vào tài khoản số 070052395095 của ông H ở ngân hàng Sacombank số tiền 567.430.000 đồng theo bản sao kê ở ngân hàng ở số thứ tự 154 thì chị N có ghi thông tin chuyển tiền là “ngan ck Hieu Liem. Het phieu 1.241b” và cộng với số tiền chị N đã chuyển khoản cho anh N, cháu ông H là 200.000.000 đồng. Tổng cộng, chị N đã chuyển cho ông H và bà L là 567.430.000 đồng + 200.000.000 đồng = 767.430.000 đồng.

Tuy nhiên, số lượng gạo chị N mua của ông H và bà L 02 lần ngày 14/4/2022 là 1.241 bao và ngày 19/4/2022 là 200 bao với số tiền tổng cộng là 667.430.000 đồng. Số lượng gạo 1.241 bao có chứng cứ chứng minh là chị N có đem đến nhà máy T do bà Mai Thị Ngọc T là chủ Công ty TNHH Lương Thực T xác định đúng số lượng gạo mua của ông H và bà L 1.241 bao. Do đó, số tiền chị N đã chuyển cho ông H và bà L dư 767.430.000 đồng – 667.430.000 đồng = 100.000.000 đồng. Nhiều lần chị N đến gặp ông H và bà L để trả lại nhưng ông H và bà L không trả.

Nay chị N yêu cầu ông H và bà L có nghĩa vụ trả số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và lãi chậm trả tính từ ngày 19/4/2022 đến ngày xét xử, trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn ông Trần Minh H và bà Lê Thị L trình bày:*

Ông H và chị N mua bán gạo với nhau đã 05 năm nay, hai bên mua bán đứt đoạn với nhau nên không lập sổ sách chứng từ đã thanh toán đầy đủ không ai nợ ai. Tuy nhiên,

từ khi anh N nhận đủ số tiền của chị N chuyển trả cho ông H và sau đó đã nhận tiền mua bán lần cuối của chị N chuyển trả, xem như việc mua bán giữa hai bên đã kết thúc. Khoảng 03 tháng sau thì chị N có nói với ông H là đưa dư số tiền 100.000.000 đồng, trong khi đó ông H và chị N đã mua đứt bán đoạn, không biết lý do gì mà chị N đòi số tiền này.

Do đó, nay ông H và bà L không đồng ý trả lại số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và lỗi chậm trả từ ngày 19/4/2022 theo yêu cầu khởi kiện của chị N.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Phạm Minh N trình bày: Việc chị N với ông H và bà L mua bán gạo với nhau, anh N không biết các thỏa thuận, giao dịch các bên thế nào. Anh N có nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng của chị N chuyển khoản từ ngân hàng Sacombank trả cho ông H và bà L. Sau đó, anh N cũng đã giao trả lại cho ông H và bà L xong. Nay anh N không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này.

- Bà Hồ Thị N1 trình bày: Bà Nhớ là mẹ ruột của chị Võ Thị Bích N; ngày 19/4/2022, bà Nhớ có mua của chị N số gạo 200 bao, số gạo này chị N mua của ông H và bà L. Bà Nhớ đã trả xong số tiền cho chị N là 96.600.000 đồng. Nay bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 258/2022/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 166, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bích N.

Buộc ông Trần Minh H và bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị Bích N số tiền 100.000.000 đồng và lãi 6.640.000 đồng. Tổng cộng 106.640.000 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, án phí và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 11 tháng 01 năm 2023, bị đơn Trần Minh H, Lê Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Bích N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Bùi Quang N là đại diện theo ủy quyền của ông Trần Minh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Trần Minh H và Lê Thị L thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Minh N, Hồ Thị N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị L, Phạm Minh N và bà Hồ Thị N1 theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn chị Võ Thị Bích N và bị đơn Trần Minh H, bà Lê Thị L giao dịch mua bán gạo đã 05 năm nay, các lần làm ăn mua bán trước đây thì đã thanh quyết toán xong không còn nợ. Tuy nhiên, ngày 14/4/2022, chị N có mua gạo vợ chồng ông H, bà L với số lượng gạo 1.241 bao, thành tiền 573.314.000 đồng, trừ đi tiền bồi dưỡng 1.244.000 đồng và tiền hoa hồng 1.240.000 đồng, số tiền còn lại 570.830.000 đồng và ngày 19/4/2022 chị N tiếp tục mua của vợ chồng ông Trần Minh H và bà Lê Thị L số lượng 200 bao số tiền 96.600.000 đồng. Tổng số tiền của 02 lần mua bán gạo với vợ chồng ông H là 667.430.000 đồng.

[2.2] Về thanh toán: Ngày 14/4/2022, chị Võ Thị Bích N chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng qua tài khoản số 070073787521 của anh Phạm Minh N (cháu của ông H, bà L) và ngày 19/4/2022, chuyển khoản số tiền 567.430.000 đồng qua tài khoản số 070052395095 của ông Trần Minh H; tổng cộng 767.430.000 đồng, có sao kê của Ngân hàng Sacombank. Bị đơn Trần Minh H, Lê Thị L thừa nhận tháng 4/2022 đã giao dịch mua bán gạo và chị N đã chuyển cho ông H và bà L là 767.430.000 đồng.

[2.3] Nguyên đơn chị Võ Thị Bích N cho rằng đã chuyển dư số tiền 100.000.000 đồng nên khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Minh H và bà Lê Thị L có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 100.000.000 đồng. Bị đơn ông H và bà L không đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng cho chị N và cho rằng hai bên đã thanh toán xong.

[2.4] Xét thấy, trong quá trình giải quyết ở giai đoạn sơ thẩm, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn Võ Thị Bích N cung cấp các phiếu biên nhận của công ty TNHH Lương Thực T ngày 14/4/2022 có ghi cụ thể tên khách hàng Ngân có cân gạo H-L 280 bao; ngày 15/4/2022 ghi tên khách hàng N có cân gạo H- L số lượng 410 bao, 441 bao và 110 bao, tổng cộng là 1.241 bao (bút lục 45, 46). Đồng thời, tại bản tự khai ngày 19/12/2022, bà Mai Thị Ngọc T là chủ công ty TNHH Lương Thực T xác định chị N đã bán đúng số gạo của H-L là 1.241 bao (bút lục 60). Đối với 200 bao gạo ngày 19/4/2022, chị N bán lại cho bà Hồ Thị N1 (là mẹ ruột của chị N), mặc dù giao dịch ngày 19/4/2022 giữa hai bên không có chứng cứ gì, nhưng nếu như chị N là người không thành thật thì đã không khai số lượng gạo này mà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H và bà L phải chuyển trả số tiền dư là 200.000.000 đồng, vì chứng cứ xác định hai bên chỉ giao dịch mua bán gạo là 1.241 bao. Bị đơn Trần Minh H, Lê Thị L cho rằng đã thanh toán xong, nhưng phía bị đơn ông H và bà L không cung cấp được chứng cứ để chứng minh như sổ sách,

giấy tờ đã bán cho chị N với số lượng gạo là bao nhiêu có tương đương với số tiền 767.430.000 đồng hay không. Do đó, bản án sơ thẩm xác định số tiền chị N đã chuyển cho vợ chồng ông H, bà L là 767.430.000 đồng trừ đi số lượng gạo hai bên mua bán với số tiền 667.430.000 đồng và buộc bị đơn Trần Minh H, bà Lê Thị L trả cho nguyên đơn Võ Thị Bích N số tiền 100.000.000 đồng, là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015.

[2.5] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: Bản án sơ thẩm buộc bị đơn Trần Minh H, bà Lê Thị L trả cho nguyên đơn Võ Thị Bích N số tiền lãi chậm trả từ ngày 19/4/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm: 08 tháng x 0,83%/tháng x 100.000.000 đồng = 6.640.000 đồng, là không phù hợp. Bởi lẽ, giữa nguyên đơn và bị đơn không có giao dịch vay mượn số tiền 100.000.000 đồng và các bên đương sự cũng không có thỏa thuận thời gian trả số tiền 100.000.000 đồng, nên bản án sơ thẩm buộc bị đơn trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Võ Thị Bích N không yêu cầu tính lãi chậm trả. Xét, đây là tự nguyện của ông Nguyễn Văn T, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Bị đơn Trần Minh H, Lê Thị L kháng cáo không đồng ý trả cho nguyên đơn Võ Thị Bích N số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi 6.640.000 đồng, nhưng không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ.

[4] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, là có căn cứ.

[5] Về án phí: Ông Trần Minh H, bà Lê Thị L không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Minh H, bà Lê Thị L. Sửa án bản án sơ thẩm số 258/2022/DS-ST ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Buộc ông Trần Minh H và bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho chị Võ Thị Bích N số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Ông Trần Minh H, bà Lê Thị L phải nộp 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông, bà đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010852 ngày 13/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, nên phải nộp tiếp 4.700.000 đồng.

Hoàn lại cho chị Võ Thị Bích N số tiền 2.560.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010174 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ vụ án.

DSPT-2023-Tâm

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm